

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HS-ST
Ngày 21-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kiều Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Cao;

Ông Kim Huynh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Lôi Vĩnh Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2020/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn A, sinh năm 2001, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp C, xã S, Huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1974 và bà Kim Thị D, sinh năm 1972; Anh chị em ruột: Có 03 người, lớn nhất là bị cáo và nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần, ngày 29/3/2019 bị Công an huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/02/2020 đến ngày 02/7/2020 bị bắt tạm giam cho đến nay ; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Hợp - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh bào chữa cho Nguyễn Văn A (Có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1996;

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Thành C, sinh năm 1978; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 27/01/2020 anh Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1996 có thuê phòng trọ số AI nhà trọ ACD thuộc ấp 1, xã 2, thành phố T, tỉnh Trà Vinh đi về nhà tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh khi đi anh B có đóng khóa cửa phòng trọ. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Nguyễn Văn A đang ở phòng trọ số AE cũng nhà trọ ACD nhìn thấy phòng trọ số AI do anh B thuê ở đóng cửa, khóa ổ khóa ngoài nên bị cáo nảy sinh ý định đột nhập vào bên trong tìm tài sản lấy trộm. Sau đó, bị cáo lấy cây khóa mở ổ số 8 có trong cốp xe mô tô của bị cáo đến cạy ổ khóa cửa phòng số AI, cạy khoảng 03 phút thì bung ổ khóa ra và bị cáo vào bên trong tìm tài sản lấy trộm. Sau khi quan sát, bị cáo thấy 01 cái tủ nhựa nhỏ đặt trên 01 cái bàn xếp học sinh, bị cáo đi đến dùng tay kéo các ngăn tủ ra, khi kéo đến ngăn tủ thứ 02 từ trên xuống thì bị cáo phát hiện 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI, màu vàng gold, viền màu trắng, bị bể kính cường lực góc dưới bên trái, không có gắn sim nên bị cáo lấy bỏ vào túi quần. Tiếp đó, bị cáo nhìn thấy bên dưới nền gạch kê bên cái bàn xếp nơi bị cáo vừa lấy chiếc điện thoại có 01 con heo đất màu vàng, bị cáo cầm và lắc con heo đất thì nghe bên trong có tiền. Bị cáo nhìn thấy trên bàn xếp có một thanh kim loại tròn nhỏ, dài khoảng 10cm đến 15cm, có một đầu nhọn (loại cây dùng để nặng mìn) để móc tiền trong con heo đất ra. Bị cáo móc ba lần được 03 tờ tiền Việt Nam gồm: 01 tờ mệnh giá 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng; 01 tờ mệnh giá 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và 01 tờ mệnh giá 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng. Tổng số tiền bị cáo lấy được trong con heo đất là 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Lấy được tiền bị cáo bỏ vào túi quần rồi để con heo đất và cây kim loại lại vị trí cũ. Sau đó bị cáo ra khỏi phòng và bóp ổ khóa phòng số 19 lại như ban đầu.

Sau khi lấy trộm được tài sản bị cáo đi đến cửa hàng điện thoại K địa chỉ khóm D, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh gặp anh Lê Thành C, sinh năm 1989 địa chỉ ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh để bán chiếc điện thoại vừa lấy trộm được với số tiền 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng. Có được tiền bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 17 giờ ngày 29/01/2020 anh B về phòng trọ số AI thì phát hiện bị mất tài sản nên trình báo cơ quan Công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/BKLDGTS ngày 10/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong hoạt động tố tụng hình sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI có viền màu trắng, lưng màu vàng gold có giá trị thành tiền tại thời điểm bị mất trộm là 3.000.000 (Ba triệu đồng).

Vật chứng của vụ án: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI có viền màu trắng, lưng màu vàng gold là tài sản của bị hại, do anh Lê Thành C mua lại từ bị cáo, tuy nhiên anh Năng đã bán lại cho người khác không biết họ tên địa chỉ nên không thể thu hồi được; Cây khóa mở ổ số 8 bị cáo dùng để cạy ổ khóa phòng số 19 lấy trộm tài sản, bị cáo đã đánh rơi không nhớ ở vị trí nào nên không thể thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số: 27/CT-VKS-HS, ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Văn A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn A hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 27/01/2020, bị cáo Nguyễn Văn A đã dùng cây khóa số 8 cạy cửa phòng trọ số AI nhà trọ ACD thuộc ấp A, xã B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh lấy trộm một chiếc điện thoại di động và số tiền 750.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng B. Tổng số tiền và tài sản bị thiệt hại tại thời điểm bị cáo lấy trộm là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nguyên nhân động cơ phạm tội. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Về trách nhiệm dân sự đề nghị căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 buộc bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại Nguyễn Hoàng B số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); Vật chứng: Không có nên không xét; Về án phí: Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn A phát biểu quan điểm: Vị thống nhất về nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo. Thống nhất về quan điểm luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn đồng thời cho rằng bị cáo xuất thân từ thành phần lao động ở nông thôn và sống ở vùng kinh tế khó khăn nên nhận thức pháp luật hạn chế. Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại anh Nguyễn Hoàng B vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, bị hại có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền thiệt hại về tài sản. Về phân hình phạt yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo, bị cáo thống nhất và không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc vắng mặt của người bị hại có đơn yêu

cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đồng thời thống nhất với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xảy ra sự việc, bản kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Trà Vinh. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Lời khai và nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn A tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh thu thập có được. Từ đó đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 27/01/2020, bị cáo Nguyễn Văn A đã dùng cây khóa số 8 cạy cửa phòng trọ số AI nhà trọ ACD thuộc ấp A, xã B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh lấy trộm một chiếc điện thoại di động và số tiền 750.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng B. Tổng số tiền và tài sản bị thiệt hại tại thời điểm bị cáo lấy trộm là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4]. Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có tuổi đời còn rất trẻ, là người có đủ điều kiện và sức khỏe để có thể lao động chân chính tạo ra nguồn thu nhập hợp pháp phục vụ cho nhu cầu sống của bản thân, nhưng do thiếu sự rèn luyện về phẩm chất đạo đức, lối sống, không làm mà muốn hưởng thụ nên lợi dụng sự sơ hở của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản của họ để thỏa mãn nhu cầu lợi ích riêng của bản thân. Trong khi đó, bị cáo đã có 01 tiền sự là: Ngày 29/3/2019 bị công an huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo không coi đây là bài học để sửa chữa lỗi lầm, chí thú làm ăn mà lại tiếp tục phạm tội. Đồng thời, quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo cam kết sẽ có mặt khi được triệu tập làm việc, xét xử nhưng khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án bị cáo không đến Tòa làm khó khăn cho công tác xét xử, thể hiện ý thức bị cáo xem thường pháp luật và thuộc thành phần khó cải tạo.

Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần phải xử lý bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn A, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu; thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thuộc diện hộ cận nghèo. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Hoàng B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền thiệt hại về tài sản. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn A đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng B. Xét việc thỏa thuận tự nguyện bồi thường trên là không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Về vật chứng: Xét thấy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh không thu giữ vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8]. Ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Riêng ý kiến của người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm h Điều 51 (Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn) là không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ các tài sản mà bị cáo trộm của bị hại đã bán đi không thu hồi lại được và đến nay bị cáo cũng chưa khắc phục được thiệt hại cho người bị hại.

[10]. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng do bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn A bộ án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 02/7/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự 2015: Công nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn A bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng B với tổng số tiền là 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về vật chứng: Do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh không thu giữ vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Miễn nộp A bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn A.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND Tp.Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh;
- Công an Tp.Trà Vinh ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Kiều Trang